**DANH SÁCH CHI TIẾT TÀI SẢN CHƯA BÁO CÁO HOÀN THÀNH XỬ LÝ TRÊN PHẦN MỀM THEO DÕI, TỔNG HỢP NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ**

*Từ ngày: 01/01/2025 - Đến ngày: 12/11/2026*

| STT | Mã Đơn Vị | Tên Đơn Vị | Mã Tài Sản | Tên Tài Sản | Địa Chỉ | Phân Loại Cột Báo Cáo |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | T02007 | Sở Xây dựng | 000212600103469 | Đại diện Phúc Sơn (số 02 đường Nhị Chiểu, TP HP) | Đại diện Phúc Sơn (số 02 đường Nhị Chiểu, TP HP) | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 2 | T02007 | Sở Xây dựng | 000212600103470 | Đại diện Phả lại (Khu bến phà, phường Chí Llinh, thành phố Hải Phòng) | Đại diện Phả lại (Khu bến phà, phường Chí Llinh, thành phố Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 3 | T02007 | Sở Xây dựng | 000212600103471 | Đại diện Cống câu (Cảng Cống Câu, phường Tân Hưng,thành phố Hải Phòng) | Đại diện Cống câu (Cảng Cống Câu, phường Tân Hưng,thành phố Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 4 | T02007 | Sở Xây dựng | 000212600103472 | Đất tổ đại diện Tiên Kiều (thôn Xuân Kiều, xã Tuệ Tĩnh, thành phố Hải Phòng)` | Đất tổ đại diện Tiên Kiều (thôn Xuân Kiều, xã Tuệ Tĩnh, thành phố Hải Phòng)` | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 5 | T02010 | Sở Nông nghiệp và Môi Trường | 000212500016064 | BHXH cơ sở Gia Lộc , Hải Phòng địa chỉ tại: Đường Khúc Thừa Dụ, Xã Ninh Giang, Hải Phòng | BHXH cơ sở Gia Lộc , Hải Phòng địa chỉ tại: Đường Khúc Thừa Dụ, Xã Ninh Giang, Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 6 | T02010 | Sở Nông nghiệp và Môi Trường | 000212500056236 | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Kim Thành (tỉnh Hải Dương cũ) | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Kim Thành (tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 7 | T02010 | Sở Nông nghiệp và Môi Trường | 000212500056237 | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Gia Lộc (tỉnh Hải Dương cũ) | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Gia Lộc (tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 8 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000112600099230 | Trường Tiểu học Lôi Trạch | Trường Tiểu học Lôi Trạch | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 9 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000112600099231 | Nhà Hợp tác xã thôn Hàm Dương | Nhà Hợp tác xã thôn Hàm Dương | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 10 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500016062 | BHXH TP Hải Phòng địa chỉ tại: phường Hải Dương, Hải Phòng | BHXH TP Hải Phòng địa chỉ tại: phường Hải Dương, Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 11 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500016065 | BHXH cơ sở Kinh Môn, Hải Phòng địa chỉ tại: Xã Phú Thái, Hải Phòng | BHXH cơ sở Kinh Môn, Hải Phòng địa chỉ tại: Xã Phú Thái, Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 12 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500016068 | BHXH cơ sở Đồ Sơn , Hải Phòng địa chỉ tại: Số 2 Cấm Xuân, xã Kiến Thụy, Hải Phòng | BHXH cơ sở Đồ Sơn , Hải Phòng địa chỉ tại: Số 2 Cấm Xuân, xã Kiến Thụy, Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 13 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500016069 | BHXH cơ sở Kiến An, Hải Phòng địa chỉ tại: Khu trung tâm hành chính phường Hưng Đạo, TP Hải Phòng | BHXH cơ sở Kiến An, Hải Phòng địa chỉ tại: Khu trung tâm hành chính phường Hưng Đạo, TP Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 14 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500016070 | BHXH cơ sở Lê Chân, Hải Phòng địa chỉ tại: phường Lê Chân, Hải Phòng | BHXH cơ sở Lê Chân, Hải Phòng địa chỉ tại: phường Lê Chân, Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 15 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500016071 | BHXH cơ sở Lê Chân, Hải Phòng địa chỉ tại: phường Lê Chân, Hải Phòng | BHXH cơ sở Lê Chân, Hải Phòng địa chỉ tại: phường Lê Chân, Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 16 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500056231 | Cơ sở nhà đất VKSND quận Ngô Quyền (thành phố Hải Phòng) | Cơ sở nhà đất VKSND quận Ngô Quyền (thành phố Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 17 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500056232 | Cơ sở nhà đất VKSND quận Dương Kinh (thành phố Hải Phòng) | Cơ sở nhà đất VKSND quận Dương Kinh (thành phố Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 18 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500056234 | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Thanh Hà (tỉnh Hải Dương cũ) | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Thanh Hà (tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 19 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500056238 | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Bình Giang (tỉnh Hải Dương cũ) | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Bình Giang (tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 20 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500056240 | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Ninh Giang (tỉnh Hải Dương cũ) | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Ninh Giang (tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 21 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500057645 | Chi cục THADS huyện Kiến Thuỵ - Hải Phòng | Chi cục THADS huyện Kiến Thuỵ - Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 22 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500057649 | Chi cục THADS huyện Thanh Hà - Hải Dương | Chi cục THADS huyện Thanh Hà - Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 23 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500057651 | Chi cục THADS huyện Kim Thành - Hải Dương | Chi cục THADS huyện Kim Thành - Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 24 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500057652 | Chi cục THADS TX Kinh Môn - Hải Dương | Chi cục THADS TX Kinh Môn - Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 25 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500057653 | Chi cục THADS huyện Gia Lộc - Hải Dương | Chi cục THADS huyện Gia Lộc - Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 26 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500057655 | Chi cục THADS huyện Bình Giang - Hải Dương | Chi cục THADS huyện Bình Giang - Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 27 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500057656 | Chi cục THADS huyện Ninh Giang - Hải Dương | Chi cục THADS huyện Ninh Giang - Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 28 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061571 | Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Đồng Gia, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: xã Kim Thành thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương | Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Đồng Gia, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: xã Kim Thành thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061572 | Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Cộng Hòa, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Lai Khê, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương) | Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Cộng Hòa, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: xã Lai Khê, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Lai Khê, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 30 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061573 | Trụ sở làm việc Đội Thuế Phúc Thành, Chi cục Thuế huyện Kinh Môn; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: xã Nam An Phụ, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế Phúc Thành, Chi cục Thuế huyện Kinh Môn; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: xã Nam An Phụ, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 31 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061574 | Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Hồng Hưng, Chi cục Thuế huyện Gia Lộc, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: xã Gia Phúc; thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Hồng Hưng, Chi cục Thuế huyện Gia Lộc, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: xã Gia Phúc; thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 32 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061575 | Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Cộng Lạc, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Lạc Phượng; thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Lạc Phượng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế xã Cộng Lạc, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Lạc Phượng; thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Lạc Phượng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 33 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061576 | Trụ sở làm việc Đội Thuế Hưng Đạo, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế Hưng Đạo, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Hưng Đạo, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 34 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061577 | Trụ sở làm việc Đội Thuế Nguyên Giáp, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế Nguyên Giáp, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 35 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061578 | Trụ sở làm việc Đội Thuế Quảng Nghiệp, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Dân An, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế Quảng Nghiệp, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Tân Kỳ, thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Dân An, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 36 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061580 | Trụ sở làm việc Đội Thuế Hồng Quang, Chi cục Thuế huyện Thanh Miện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ.<br>Địa chỉ: Xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (Trước đây là Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế Hồng Quang, Chi cục Thuế huyện Thanh Miện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ.<br>Địa chỉ: Xã Bắc Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (Trước đây là Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 37 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500061583 | Trụ sở làm việc Đội Thuế Thanh Giang, Chi cục Thuế huyện Thanh Miện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế Thanh Giang, Chi cục Thuế huyện Thanh Miện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Xã Nam Thanh Miện, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 38 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500095253 | TAND thành phố Hải Phòng - CS2 | TAND thành phố Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 39 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500095258 | TAND khu vực 5 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 5 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 40 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500095266 | TAND khu vực 9 - Hải Phòng - CS3 | TAND khu vực 9 - Hải Phòng - CS3 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 41 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212500097542 | Trụ sở phòng Kinh tế và Hạ tầng (cũ) | Trụ sở phòng Kinh tế và Hạ tầng (cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 42 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600016323 | Trụ sở hạt giao thông huyện Ninh Giang cũ | Trụ sở hạt giao thông huyện Ninh Giang cũ | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 43 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600016331 | Trụ sở UBND xã Thanh Sơn cũ/Địa chỉ: xã Thanh Hà, TP Hải Phòng | Trụ sở UBND xã Thanh Sơn cũ/Địa chỉ: xã Thanh Hà, TP Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 44 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600026228 | KBNN Cẩm Giàng (cũ) | KBNN Cẩm Giàng (cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 45 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600041039 | Cơ sở nhà đất tại số 11 Trần Hưng Đạo, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng | Cơ sở nhà đất tại số 11 Trần Hưng Đạo, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 46 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600043975 | Trụ sở Đảng ủy - HDND - UBND phường Dư Hàng (cũ)/Địa chỉ: Số 80A Dư Hàng, phường Lê Chân | Trụ sở Đảng ủy - HDND - UBND phường Dư Hàng (cũ)/Địa chỉ: Số 80A Dư Hàng, phường Lê Chân | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 47 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600047731 | Khu cơ khí cũ xã Thụy Hương | Khu cơ khí cũ xã Thụy Hương | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 48 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600048088 | 83 Bạch Đằng | 83 Bạch Đằng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 49 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600048089 | 89 Bạch Đằng | 89 Bạch Đằng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 50 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600057657 | Cục THADS tỉnh Hải Dương | Cục THADS tỉnh Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 51 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600057658 | Chi cục THADS TP Hải Dương - Hải Dương | Chi cục THADS TP Hải Dương - Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 52 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600057659 | Chi cục THADS huyện Thanh Miện- Hải Dương | Chi cục THADS huyện Thanh Miện- Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 53 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061586 | Thuế cơ sở 9 TP Hải Phòng (trước đây là Đội Thuế Cống Trắng, phường Trần Hưng Đạo, CCT TP Hải Dương, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ)<br>Địa chỉ: Số 116 đại lộ Trần Hưng Đạo, Phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng (trước đây là 116 Đại lộ Trần Hưng Đạo - P.Trần Hưng Đạo, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 9 TP Hải Phòng (trước đây là Đội Thuế Cống Trắng, phường Trần Hưng Đạo, CCT TP Hải Dương, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ)<br>Địa chỉ: Số 116 đại lộ Trần Hưng Đạo, Phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng (trước đây là 116 Đại lộ Trần Hưng Đạo - P.Trần Hưng Đạo, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 54 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061587 | Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ)<br>Địa chỉ: Xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng (trước đây TT Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ)<br>Địa chỉ: Xã Ninh Giang, thành phố Hải Phòng (trước đây TT Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 55 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061591 | Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Đại Hợp Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng, trước đây là xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng | Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Đại Hợp Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Kiến Hải, thành phố Hải Phòng, trước đây là xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 56 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061592 | Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Kiến Quốc Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ: xã Nghi Dương, thành phố Hải Phòng, trước đây: Thôn 5, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng | Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Kiến Quốc Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ: xã Nghi Dương, thành phố Hải Phòng, trước đây: Thôn 5, xã Du Lễ, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 57 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061593 | Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thế Núi Đối Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ: xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, trước đây: Tiểu khu Cầu Đen, Thị trấn Núi Đối, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng | Thuế cơ sở 6 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thế Núi Đối Chi cục Thuế huyện Kiến Thụy, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ: xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng, trước đây: Tiểu khu Cầu Đen, Thị trấn Núi Đối, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 58 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061595 | Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Hà Phương, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Vĩnh Hòa, thành phố Hải Phòng, trước đây Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng | Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Hà Phương, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Vĩnh Hòa, thành phố Hải Phòng, trước đây Xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 59 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061596 | Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Nam Am, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Nguyễn Bỉnh Khiêm, thành phố Hải Phòng, trước đây: Xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng | Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Nam Am, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Nguyễn Bỉnh Khiêm, thành phố Hải Phòng, trước đây: Xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 60 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061597 | Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Cộng Hiền, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Vĩnh Hải , thành phố Hải Phòng, trước đây: Xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng | Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Cộng Hiền, Chi cục Thuế huyện Vĩnh Bảo, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Vĩnh Hải , thành phố Hải Phòng, trước đây: Xã Cộng Hiền, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 61 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061598 | Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Đông Quy, Chi cục Thuế huyện Tiên Lãng, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng, trước đây : Xóm 10 xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãn, thành phố Hải Phòng | Thuế cơ sở 8 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Đông Quy, Chi cục Thuế huyện Tiên Lãng, Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng, trước đây : Xóm 10 xã Toàn Thắng, huyện Tiên Lãn, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 62 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061606 | Thuế cơ sở 9 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế phường Nguyễn Trãi, Chi cục Thuế thành phố Hải Dương, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Số 01 Đường Hồng Quang, phường Thành Đông, thành phố Hải phòng (trước đây là Số 01 Đường Hồng Quang, phường Nguyễn Trãi, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 9 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế phường Nguyễn Trãi, Chi cục Thuế thành phố Hải Dương, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Số 01 Đường Hồng Quang, phường Thành Đông, thành phố Hải phòng (trước đây là Số 01 Đường Hồng Quang, phường Nguyễn Trãi, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 63 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061607 | Thuế cơ sở 9 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế phường Quang Trung, Chi cục Thuế thành phố Hải Dương, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Số 25 Bắc Sơn, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng (trước đây là Số 25 Bắc Sơn, phường Quang Trung, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 9 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế phường Quang Trung, Chi cục Thuế thành phố Hải Dương, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Số 25 Bắc Sơn, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng (trước đây là Số 25 Bắc Sơn, phường Quang Trung, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 64 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061609 | Thuế cơ sở 10 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế số 1, Chi cục Thuế huyện Chí Linh, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: KDC Đại Tân, Phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng (trước đây là P. Hoàng Tân - TP Chí Linh - tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 10 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế số 1, Chi cục Thuế huyện Chí Linh, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: KDC Đại Tân, Phường Trần Nhân Tông, thành phố Hải Phòng (trước đây là P. Hoàng Tân - TP Chí Linh - tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 65 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061611 | Thuế cơ sở 10 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế Sao Đỏ, Chi cục Thuế huyện Chí Linh, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Thái Học, khu Dân cư thái học 1, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng (Trước đây là đường Nguyễn Thái Học, khu Dân cư thái học 1, P. Sao Đỏ, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 10 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế Sao Đỏ, Chi cục Thuế huyện Chí Linh, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Đường Nguyễn Thái Học, khu Dân cư thái học 1, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng (Trước đây là đường Nguyễn Thái Học, khu Dân cư thái học 1, P. Sao Đỏ, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 66 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061614 | Thuế cơ sở 11 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế xã Thái Học, Chi cục Thuế huyện Bình Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương Cũ<br>Địa chỉ: Xã Đường An, Thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 11 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế xã Thái Học, Chi cục Thuế huyện Bình Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương Cũ<br>Địa chỉ: Xã Đường An, Thành phố Hải Phòng (trước đây là xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 67 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061615 | Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế Thị trấn Tứ Kỳ, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: Xã Tứ Kỳ, Thành phố Hải Phòng (trước đây là TT Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế Thị trấn Tứ Kỳ, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ; Địa chỉ: Xã Tứ Kỳ, Thành phố Hải Phòng (trước đây là TT Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 68 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061616 | Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế Thị trấn Gia Lộc, Chi cục Thuế huyện Gia Lộc, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Gia Lộc, Thành phố Hải Phòng (trước đây là TT Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế Thị trấn Gia Lộc, Chi cục Thuế huyện Gia Lộc, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ;<br>Địa chỉ: Xã Gia Lộc, Thành phố Hải Phòng (trước đây là TT Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 69 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600061622 | Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Chi cục Thuế huyện Tứ kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ.<br>Địa chỉ: Khu An Nhân Đông, xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng (Trước đây là Khu An Nhân Đông, TT Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 12 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Chi cục Thuế huyện Tứ kỳ, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ.<br>Địa chỉ: Khu An Nhân Đông, xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng (Trước đây là Khu An Nhân Đông, TT Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 70 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094092 | Số 15 Mê Linh, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Số 15 Mê Linh, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 71 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094093 | Số 29 Trần Nguyên Hãn, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Số 29 Trần Nguyên Hãn, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 72 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094096 | Số 59 Tô Hiệu, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Số 59 Tô Hiệu, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 73 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094097 | Số 176 Đình Đông, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Số 176 Đình Đông, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 74 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094099 | Đường Tràng Cát, phường Hải An, thành phố Hải Phòng | Đường Tràng Cát, phường Hải An, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 75 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094105 | Xã Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng | Xã Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 76 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094107 | Phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng | Phường Thiên Hương, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 77 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094108 | Phường Quang Trung, TP Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP Hải Phòng) | Phường Quang Trung, TP Hải Dương (nay là phường Hải Dương, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 78 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094110 | Đường Khúc Thừa Dụ, Phường Thanh Bình, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng) | Đường Khúc Thừa Dụ, Phường Thanh Bình, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là phường Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 79 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094115 | Xã Tiền Tiến, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP Hải Phòng) | Xã Tiền Tiến, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương (nay là phường Nam Đồng, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 80 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094117 | Xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nam An Phụ, TP Hải Phòng) | Xã Quang Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nam An Phụ, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 81 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094119 | Xã Thanh Bính, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nay là xã Hà Đông, TP Hải Phòng) | Xã Thanh Bính, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nay là xã Hà Đông, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 82 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094120 | Xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP Hải Phòng) | Xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tuệ Tĩnh, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 83 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094121 | Xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là xã Bình Giang, TP Hải Phòng) | Xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (nay là xã Bình Giang, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 84 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094122 | Xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã Gia Phúc, TP Hải Phòng) | Xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã Gia Phúc, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 85 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094123 | Xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Cẩm Giàng, TP Hải Phòng) | Xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (nay là xã Cẩm Giàng, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 86 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094124 | Xã Quang Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã Trường Tân, TP Hải Phòng) | Xã Quang Minh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là xã Trường Tân, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 87 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094125 | Xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng) | Xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 88 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094126 | Xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng) | Xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Tân Kỳ, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 89 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094127 | Xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang, , tỉnh hải Dương (nay là xã Tân An, TP Hải Phòng) | Xã Vạn Phúc, huyện Ninh Giang, , tỉnh hải Dương (nay là xã Tân An, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 90 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094128 | Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh hải Dương (nay là xã Hồng Châu, TP Hải Phòng) | Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh hải Dương (nay là xã Hồng Châu, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 91 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094129 | Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (nay là xã Bắc Thanh Miện, TP Hải Phòng) | Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương (nay là xã Bắc Thanh Miện, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 92 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094130 | Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là xã Phú Thái, TP Hải Phòng) | Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là xã Phú Thái, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 93 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094131 | Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là xã Phú Thái, TP Hải Phòng) | Xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương (nay là xã Phú Thái, TP Hải Phòng) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 94 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600094132 | Ngõ 246, đường Đà Nẵng, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng | Ngõ 246, đường Đà Nẵng, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 95 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095255 | TAND khu vực 2 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 2 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2B |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 96 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095259 | TAND khu vực 5 - Hải Phòng - CS3 | TAND khu vực 5 - Hải Phòng - CS3 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 97 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095260 | TAND khu vực 6 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 6 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 98 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095261 | TAND khu vực 6 - Hải Phòng - CS3 | TAND khu vực 6 - Hải Phòng - CS3 | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 99 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095262 | TAND khu vực 7 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 7 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 100 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095264 | TAND khu vực 8 - Hải Phòng - CS3 | TAND khu vực 8 - Hải Phòng - CS3 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 101 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095265 | TAND khu vực 9 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 9 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 102 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095267 | TAND khu vực 10 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 10 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 103 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095268 | TAND khu vực 11 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 11 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 104 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095269 | TAND khu vực 12 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 12 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 105 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600095270 | TAND khu vực 13 - Hải Phòng - CS3 | TAND khu vực 13 - Hải Phòng - CS3 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 106 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600099229 | Nhà, đất số 9B Ngô Gia Tự | Nhà, đất số 9B Ngô Gia Tự | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 107 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600099232 | Điểm Trường Thượng Quận thôn Bãi Mạc | Điểm Trường Thượng Quận thôn Bãi Mạc | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 108 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600099233 | Trạm y tế xã Phú Thái - Điểm trạm Phúc Thành | Trạm y tế xã Phú Thái - Điểm trạm Phúc Thành | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 109 | T02043 | Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố | 000212600100910 | Trụ sở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hải Phòng (Sở KHCN): số 05 Đức Minh | Trụ sở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hải Phòng (Sở KHCN): số 05 Đức Minh | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 110 | T02044 | UBND Phường Thuỷ Nguyên | 000212600097296 | Trụ sở UBND Phường Thủy Đường (Thủy đường cũ)/Địa chỉ: Phường Thủy Nguyên | Trụ sở UBND Phường Thủy Đường (Thủy đường cũ)/Địa chỉ: Phường Thủy Nguyên | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 111 | T02045 | UBND Phường Thiên Hương | 000212600061602 | Thuế cơ sở 4 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Thiên Hương, Chi cục Thuế huyện Thủy Nguyên,Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ: Phường Thiên Hương, trước đây Tổ dân phố 4 phường Thiên Hương, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng | Thuế cơ sở 4 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở Đội Thuế Thiên Hương, Chi cục Thuế huyện Thủy Nguyên,Cục Thuế TP Hải Phòng (Cũ)<br>Địa chỉ: Phường Thiên Hương, trước đây Tổ dân phố 4 phường Thiên Hương, thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 112 | T02045 | UBND Phường Thiên Hương | 000212600097299 | Trường mầm non Thiên Hương<br>(khu Trinh Hưởng- thôn 1) | Trường mầm non Thiên Hương<br>(khu Trinh Hưởng- thôn 1) | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 113 | T02046 | UBND phường Hòa Bình | 000212600094137 | Phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng | Phường Hòa Bình, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 114 | T02047 | UBND Phường Nam Triệu | 000212600097292 | Trụ sở cũ của Đội thuế bến Rừng (xã Tam Hưng cũ) | Trụ sở cũ của Đội thuế bến Rừng (xã Tam Hưng cũ) | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 115 | T02047 | UBND Phường Nam Triệu | 000212600097298 | Trường mầm non Tam Hưng khu B (cũ) | Trường mầm non Tam Hưng khu B (cũ) | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 116 | T02056 | UBND Phường An Biên | 000212600104121 | Khu đất tại 22 Đinh Nhu, phường An Biên, TP HP | Khu đất tại 22 Đinh Nhu, phường An Biên, TP HP | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 117 | T02058 | UBND Phường Đông Hải | 000212600094133 | Đường Nam Phong, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng | Đường Nam Phong, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 118 | T02065 | UBND Phường Dương Kinh | 000212600094135 | Số 869 đường Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng | Số 869 đường Phạm Văn Đồng, phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 119 | T02072 | UBND Xã An Lão | 000212500057642 | Chi cục THADS huyện An Lão - Hải Phòng | Chi cục THADS huyện An Lão - Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 120 | T02080 | UBND Xã Tiên Minh | 000212600094136 | Xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng | Xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 121 | T02084 | UBND Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm | 000212600094134 | Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm, thành phố Hải Phòng | Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 122 | T02093 | UBND Phường Hải Dương | 000212600094138 | phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng | phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 123 | T02096 | UBND Phường Thành Đông | 000212600095263 | TAND khu vực 8 - Hải Phòng - CS2 | TAND khu vực 8 - Hải Phòng - CS2 | Chưa hoàn thành bước 2A |
| 124 | T02114 | UBND Xã Nam Sách | 000212500056235 | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Nam Sách (tỉnh Hải Dương cũ) | Cơ sở nhà đất VKSND huyện Nam Sách (tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 125 | T02114 | UBND Xã Nam Sách | 000212500097528 | Trụ sở Chi cục Thuế khu vực Nam Thanh (Chi cục Thuế huyện Nam Sách cũ) | Trụ sở Chi cục Thuế khu vực Nam Thanh (Chi cục Thuế huyện Nam Sách cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 126 | T02114 | UBND Xã Nam Sách | 000212500102132 | Chi cục THADS huyện Nam Sách - Hải Dương | Chi cục THADS huyện Nam Sách - Hải Dương | Chưa hoàn thành bước 2B |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 127 | T02114 | UBND Xã Nam Sách | 000212600061589 | Thuế cơ sở 14 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc BPMC Chi cục Thuế KV Nam Thanh, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ)<br>Địa chỉ: Xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương) | Thuế cơ sở 14 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc BPMC Chi cục Thuế KV Nam Thanh, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ)<br>Địa chỉ: Xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng (trước đây là Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 128 | T02141 | UBND Xã Ninh Giang | 000212500061581 | Trụ sở làm việc Đội Thuế TT Ninh Giang, Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Xã Ninh Giang thành phố Hải Phòng (trước đây là TT Ninh Giang, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương cũ) | Trụ sở làm việc Đội Thuế TT Ninh Giang, Chi cục Thuế huyện Ninh Giang, Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: Xã Ninh Giang thành phố Hải Phòng (trước đây là TT Ninh Giang, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |
| 129 | T02151 | UBND Xã Phú Thái | 000212600061617 | Thuế cơ sở 13 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế TT Phú Thái, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: xã Phú Thái thành phố Hải Phòng (trước đây là thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cũ) | Thuế cơ sở 13 TP Hải Phòng (trước đây là trụ sở làm việc Đội Thuế TT Phú Thái, Chi cục Thuế huyện Kim Thành; Cục Thuế tỉnh Hải Dương cũ<br>Địa chỉ: xã Phú Thái thành phố Hải Phòng (trước đây là thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cũ) | Chưa hoàn thành bước 2B |